

**Bản dịch**

**THƯ THỎA THUẬN**  
**GIỮA CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HIỆP QUỐC**  
**VÀ SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐẮK NÔNG**  
**VỀ VIỆC THỰC HIỆN DỰ ÁN “QUẢN LÝ CẢNH QUAN BỀN VỮNG TOÀN**  
**DIỆN THÔNG QUA CÁC TIẾP CẬN “ĐỊA BÀN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**  
**KHÔNG GÂY MẤT RỪNG” TẠI LÂM ĐỒNG VÀ ĐẮK NÔNG, VIỆT NAM”**  
**KHI UNDP ĐÓNG VAI TRÒ LÀ ĐỐI TÁC THỰC HIỆN**

Số: LOA-Dak Nong-1-032022

Kính thưa Quý ngài,

1. Sau khi tham khảo ý kiến của các cán bộ thuộc Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là UNDP) và các cán bộ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông) về các hoạt động của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* trong việc triển khai các hoạt động của **Dự án số 00098749/ Đầu ra 00101967 Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua các tiếp cận “địa bàn phát triển bền vững không gây mất rừng” tại Lâm Đồng và Đắk Nông, Việt Nam** như được nêu trong Phụ lục 1 – Văn kiện dự án, trong đó UNDP là cơ quan phụ trách triển khai.

2. Dựa trên Văn kiện dự án và trên cơ sở các điều khoản sau đây, chúng tôi xin xác nhận sự chấp nhận của chúng tôi đối với các hoạt động do *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* đề xuất cho dự án, như được nêu trong Phụ lục 2: Mô tả hoạt động (sau đây gọi tắt là Hoạt động). Các cuộc họp tham vấn chặt chẽ sẽ được tổ chức giữa *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* và UNDP về tất cả các nội dung của Hoạt động.

3. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* có trách nhiệm về việc thực hiện, bảo đảm tính giải trình và hiệu quả, tất cả các Hoạt động theo các quy định tài chính, quy tắc và các chỉ đạo khác của Sở nếu chúng phù hợp với các Quy định và Quy tắc tài chính của UNDP. Trong tất cả các trường hợp khác, cần phải tuân thủ Quy định và Quy tắc tài chính của UNDP.

4. Trong quá trình thực hiện các hoạt động theo Thư này, cán bộ và nhà thầu phụ của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ không được xem là nhân viên hoặc là cơ quan đại diện cho UNDP. UNDP không chấp nhận bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với các khiếu nại phát sinh từ các hành vi hoặc thiếu sót của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông*, hoặc của các cán bộ của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông*, hoặc của các nhà thầu hoặc nhân viên của họ, trong quá trình thực hiện các Hoạt động hoặc bất kỳ khiếu nại nào về thương vong, khuyết tật, thiệt hại đối với tài sản hoặc các mối nguy hiểm khác có thể xảy ra với *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* và cán bộ của Sở trong quá trình thực hiện Hoạt động.

5. Bất kỳ nhà thầu phụ nào, bao gồm các tổ chức phi chính phủ ký hợp đồng với cơ quan được chỉ định của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông*, sẽ làm việc dưới sự giám sát của cán bộ được chỉ định của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông*. Các nhà thầu phụ này sẽ phải chịu trách nhiệm trước *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* về cách thức thực hiện các chức năng được giao.

6. Sau khi Thư thỏa thuận này được ký, UNDP sẽ thực hiện thanh toán cho *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông*, theo tiến độ thanh toán được quy định trong Phụ lục 3: Kế hoạch hoạt động, Ngân sách và thanh toán.

7. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ không đưa ra bất kỳ cam kết tài chính nào hoặc thanh toán bất kỳ chi phí nào vượt quá ngân sách cho các Hoạt động như được nêu trong Phụ lục 3. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ thường xuyên tham khảo ý kiến của UNDP về tiến độ và việc sử dụng vốn và sẽ tư vấn kịp thời cho UNDP bất cứ khi nào khi *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* thấy rằng ngân sách để thực hiện các Hoạt động này không đủ để thực hiện đầy đủ các hoạt động như yêu cầu nêu trong Phụ lục 2. UNDP sẽ không có nghĩa vụ cung cấp cho *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* bất kỳ khoản tiền nào hoặc thực hiện bất kỳ khoản bồi hoàn nào cho các chi phí phát sinh vượt quá tổng ngân sách cấp cho *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* như quy định trong Phụ lục 3.

8. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ gửi báo cáo tài chính tích lũy hàng Quý (31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12). Báo cáo sẽ được gửi cho UNDP thông qua Giám đốc Điều hành Quốc gia của UNDP hoặc Trưởng Đại diện thường trú của UNDP trong vòng 30 ngày sau các thời hạn trên. Mẫu báo cáo sẽ tuân theo Báo cáo chi tiêu chuẩn của UNDP (bản sao mẫu báo cáo được cung cấp trong Phụ lục 4). UNDP sẽ gộp báo cáo tài chính của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* vào trong Báo cáo tài chính của Dự án số 00098749/Đầu ra 00101967 - Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua các tiếp cận "địa bàn phát triển bền vững không gây mất rừng" tại Lâm Đồng và Đắk Nông, Việt Nam.

9. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ gửi các báo cáo tiến độ liên quan đến các Hoạt động theo yêu cầu hợp lý của quản lý dự án khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

10. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ cung cấp báo cáo cuối cùng trong vòng 12 tháng sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt các Hoạt động, bao gồm danh sách các thiết bị không tiêu hao mà *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* đã mua và tất cả các báo cáo tài chính đã được kiểm toán hoặc chứng nhận và hồ sơ liên quan đến các Hoạt động đó, nếu thích hợp, theo Các Quy định và Quy tắc tài chính của Sở.

11. Thiết bị và vật tư có thể do UNDP cung cấp hoặc mua sắm thông qua các quỹ của UNDP sẽ được xử lý theo thỏa thuận giữa UNDP và *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* bằng văn bản.

12. Mọi thay đổi trong Văn kiện dự án ảnh hưởng đến công việc đang được *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* thực hiện theo Phụ lục 2 sẽ được đề xuất sau khi tham khảo ý kiến giữa các bên.

13. Đối với bất kỳ vấn đề nào không được đề cập cụ thể trong Thư này, các Bên sẽ đảm bảo rằng các vấn đề đó sẽ được giải quyết theo các quy định thích hợp của Văn kiện dự án và mọi sửa đổi của Văn kiện và phù hợp với các quy định tương ứng của các Quy định và Quy tắc tài chính của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* và UNDP.

14. Các thỏa thuận được mô tả trong Thư này sẽ vẫn có hiệu lực cho đến khi kết thúc Dự án hoặc sau khi hoàn thành các hoạt động của *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* như đã nêu trong Phụ lục 2 hoặc cho đến khi một trong hai bên chấm dứt bằng văn bản (thông báo trước 30 ngày). Lịch thanh toán được quy định trong Phụ lục 3 vẫn có hiệu lực khi *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* tiếp tục thực hiện hoạt động, trừ khi nhận được hướng dẫn khác bằng văn bản từ UNDP.

15. Bất kỳ khoản dư nào chưa được giải ngân và không được cam kết sau khi kết thúc Hoạt động sẽ được trả lại cho UNDP trong vòng 90 ngày.

16. Mọi sửa đổi đối với Thư thỏa thuận này sẽ được thực hiện với sự thống nhất của hai bên và bằng văn bản.

17. Mọi thư từ liên quan đến Thư thỏa thuận này, ngoài Thư thỏa thuận đã ký hoặc các văn bản sửa đổi bổ sung, cần được gửi tới Bà Caitlin Wiesen, Trưởng Đại diện thường trú của UNDP tại Việt Nam - 304 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

18. *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* sẽ luôn thông báo đầy đủ cho Trưởng Đại diện thường trú của UNDP về tất cả các hành động được Sở thực hiện liên quan đến các hoạt động trong Thư thỏa thuận này.

19. UNDP có thể tạm dừng Thỏa thuận này, toàn bộ hoặc một phần, và sẽ gửi bằng văn bản cho *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông*, nếu hoàn cảnh phát sinh gây nguy hiểm cho việc hoàn thành các Hoạt động.

20. Bất kỳ tranh chấp nào giữa UNDP và *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư thỏa thuận này mà không được giải quyết bằng thương lượng hoặc phương thức giải quyết khác đã thỏa thuận, theo yêu cầu của một trong hai bên, sẽ được đệ trình lên Tòa án gồm ba trọng tài viên. Mỗi bên sẽ chỉ định một trọng tài viên và hai trọng tài viên được chỉ định sẽ chỉ định một trọng tài viên thứ ba, người sẽ là chủ tịch đoàn của Tòa án. Nếu trong vòng 15 ngày kể từ ngày bổ nhiệm hai trọng tài viên, trọng tài thứ ba chưa được chỉ định, một trong hai bên có thể yêu cầu Chủ tịch Tòa án Công lý Quốc tế chỉ định trọng tài viên. Tòa án sẽ tự xác định các thủ tục của mình, với điều kiện là hai trọng tài viên bất kỳ sẽ đại diện cho tất cả các mục đích và tất cả các quyết định sẽ cần có sự đồng ý của bất kỳ hai trọng tài viên nào. Các chi phí liên quan đến Tòa án sẽ do các bên chi trả theo phán quyết của Tòa án. Phán quyết trọng tài sẽ bao gồm một tuyên bố về các lý do và cơ sở của phán quyết và sẽ là phán quyết cuối cùng và ràng buộc đối với các bên.

21. Nếu Quý Cơ quan đồng ý với các điều khoản nêu trên, vui lòng ký và gửi lại cho Văn phòng chúng tôi này hai bản sao của Thư thỏa thuận này. Qua đó, sự chấp thuận của Quý Cơ quan sẽ là cơ sở để *Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông* tham gia vào quá trình thực hiện dự án.

Kính thư,

Thay mặt UNDP Việt Nam



**Caitlin Wiesen**

**Trưởng Đại diện thường trú**

Ngày 12 tháng 4 năm 2022

Thay mặt Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông

**Lê Quang Dân**

**Phó Giám đốc**

Ngày ..... tháng .... năm 2022

**Phu lục 1**

**VĂN KIẾN DỰ ÁN**

**Phụ lục 2**  
**MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG**

Mã số Dự án: **00098749/Đầu ra 00101967**

Tên Dự án: *Quản lý cảnh quan bền vững toàn diện thông qua các tiếp cận "địa bàn phát triển bền vững không gây mất rừng" tại Lâm Đồng và Đắk Nông, Việt Nam (tỉnh Đắk Nông)*

Các kết quả dự kiến do Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông thực hiện:

Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông sẽ tập trung đóng góp vào 4 kết quả trong dự án, với các đầu ra cụ thể sau đây:

Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả, bao gồm các công cụ và quy trình quản lý tích hợp quy hoạch sử dụng đất được thiết lập ở cấp huyện và cấp tỉnh.

- Đầu ra 1.1. Một quy hoạch sử dụng đất tích hợp phù hợp với Quy hoạch cấp tỉnh được lập cho từng huyện thí điểm, với các bản đồ, mục tiêu và kế hoạch hành động rõ ràng theo hướng bền vững và không gây mất rừng.
- Đầu ra 1.2: Thiết lập và thực hiện hệ thống giám sát đánh giá tích hợp không gian, liên ngành và được sử dụng như công cụ theo dõi quá trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững để đẩy mạnh thực thi quy hoạch cấp tỉnh tại Đắk Nông.
- Đầu ra 1.3. Các diễn đàn đối thoại giữa các bên liên quan được thiết lập (i) giữa các cơ quan có thẩm quyền và khu vực tư nhân tại cấp huyện, (ii) trong nội bộ từng chuỗi và giữa các chuỗi cung ứng hàng hóa, và (iii) trong các ngành hàng LSNG.
- Đầu ra 1.4: Các tiêu chuẩn ngành hàng bền vững và không mất rừng (bao gồm cả LSNG) được thông qua bởi các bên liên quan và chính thức hóa bởi các qui định cụ thể.
- Đầu ra 1.5. Khung giám sát quản trị sử dụng đất toàn diện, minh bạch và cảnh báo sớm theo thời gian thực được thiết lập và thí điểm ở 2 huyện (dựa trên nền tảng Terra-I) để hỗ trợ việc thực thi các quy định về môi trường và truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng hàng hóa.

Kết quả 2 – Các tiêu chuẩn và thực hành tiêu chuẩn sản xuất hàng hóa bền vững, thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng.

- Đầu ra 2.1: Xác định các giải pháp ưu tiên trong phát triển nông nghiệp, LSNG, dịch vụ từ rừng bền vững và được thực hiện thí điểm bao gồm từ khâu xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật đến đánh giá hiệu quả kinh tế triển vọng.
- Đầu ra 2.2: Các tổ chức (thể chế) tại địa phương và nông dân sẽ được đào tạo và nâng cao nhận thức về các mô hình sản xuất bền vững ưu tiên.
- Đầu ra 2.3: Tiến trình chuyển đổi theo hướng thực hành bền vững tại hiện trường được hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính.

Kết quả 3 - Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng cảnh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.

- Đầu ra 3.1. Dòng tài chính công và đầu tư tư nhân cho sử dụng đất được hệ thống hóa và lồng ghép hỗ trợ các mục tiêu sử dụng đất bền vững và thích ứng biến đổi khí hậu.
- Đầu ra 3.2. Các đề án kinh doanh được xây dựng và thỏa thuận hợp tác được ký kết với các doanh nghiệp trong nước và quốc tế để đảm bảo tiêu thụ các nông sản hàng hóa, LSNG và dịch vụ môi trường không gây mất rừng.
- Đầu ra 3.3. Các mô hình tài chính điển hình được xây dựng và thỏa thuận hợp tác được ký kết và thực hiện với các định chế tài chính trong nước và quốc tế nhằm cung cấp nguồn tài chính bổ sung hoặc các giải pháp bảo hiểm cho một số cây hàng hóa chính, LSNG và các dịch vụ môi trường rừng.
- Đầu ra 3.4. Các sáng kiến chi trả DVMTR (PFES) hiệu quả và mang tính đột phá được nghiên cứu, thử nghiệm và triển khai ở 2 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp nhằm tạo ra nguồn tài chính bổ sung và tăng cường các lợi ích môi trường và xã hội.

Kết quả 4 – Tính bền vững và khả năng nhận rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia.

- Đầu ra 4.1. Dự án được thực hiện có hiệu quả, đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn và đạt được các mục tiêu nhờ năng lực trong điều phối, hỗ trợ, giám sát và đánh giá hoạt động và hiệu quả dự án (có chú trọng yếu tố giới) ở cấp trung ương và cấp tỉnh, với sự tham gia của các tổ chức phù hợp.
- Đầu ra 4.2. Thiết lập và tăng cường mạng lưới kỹ thuật của các tổ chức hàng đầu có liên quan ở nhiều cấp để xác định phương pháp quản lý bền vững tổng hợp và cách tiếp cận không mất rừng, khuyến nghị xây dựng chính sách ở cấp tỉnh và cấp quốc gia đảm bảo phát triển bền vững không mất rừng được áp dụng dần dần thông qua các chính sách, luật pháp và quy định liên quan.

Các công việc Sở NNPTNT tỉnh Đăk Nông cần thực hiện

*Sở NNPTNT tỉnh Đắk Nông sẽ chịu trách nhiệm về các nội dung cụ thể sau:*

Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả, bao gồm các công cụ và quy trình quản lý tích hợp quy hoạch sử dụng đất được thiết lập ở cấp huyện và cấp tỉnh.

- 1.1a: Tuyển dụng và triển khai cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1
- 1.1b: Thiết lập kênh đối thoại chính thức và có qui chế hoạt động (ai tham gia, về nội dung gì, khi nào, và vận hành ra sao) để điều phối các nỗ lực lập quy hoạch/kế hoạch cấp huyện, bao gồm trao đổi với cấp tỉnh và huy động cấp xã tham gia, chính thức hóa thông qua một Biên bản ghi nhớ (MoU)
- 1.1c: Xây dựng qui trình và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất tích hợp, theo không gian cho từng huyện, xác định mục tiêu và nguyên tắc, lồng ghép các ưu tiên môi trường xã hội, xác định các dữ liệu còn thiếu, làm rõ cách tiếp cận thu thập dữ liệu và các chiến dịch tham vấn, xác định các bước chính để tham vấn, đàm phán và thông qua. Soạn thảo cuốn sổ tay hướng dẫn và khái quát hóa quy trình lập quy hoạch và cập nhật vào cuối quá trình để phản ánh các bài học từ dự án.
- 1.1d: Tại mỗi huyện, chuẩn bị và thực hiện qui trình quy hoạch SD đất tích hợp với các nhiệm vụ: i) tập huấn các nhóm nông cốt về hướng dẫn quy hoạch; ii) làm rõ các dữ liệu/phân tích còn thiếu và phát triển kế hoạch thực hiện để hỗ trợ quy hoạch sử dụng đất tích hợp; iii) xác định ưu tiên thu thập dữ liệu, XD bản đồ, tiến hành phân tích (bao gồm SD đất, rừng, các yếu tố môi trường và xã hội); vi) hỗ trợ tham vấn và nâng cao năng lực, bao gồm cả hỗ trợ cấp xã và cộng đồng địa phương.
- 1.1e: Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 1 – Bản đồ sử dụng đất cho cây trồng cụ thể: Xây dựng bản đồ sử dụng đất cho từng huyện với thông tin chính xác về phân bố cây trồng chính ngay thời điểm bắt đầu và kết thúc dự án. Công cụ này sử dụng ảnh viễn thám có độ phân giải cao và công nghệ máy học (deep learning) và cách tiếp cận có sự tham gia. Các bản đồ cũng sẽ hỗ trợ lập kế hoạch triển khai các hoạt động (Đầu ra 1.1) và giám sát đánh giá (Đầu ra 1.2).
- 1.1f: Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 2: Thử nghiệm sử dụng công cụ nhà quy hoạch SD đất tại 01 huyện thí điểm, nơi có dữ liệu đầy đủ nhất. Với sự tham gia của các bên liên quan, tiến hành các phân tích về lợi ích chi phí để đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường của các quyết định quy hoạch lựa chọn (bao gồm tác động đối với việc làm, an ninh lương thực, mất rừng và sinh khối các-bon, chia sẻ lợi ích, đa dạng sinh học, lao động và hiệu suất sử dụng đất) nhằm thông tin đầy đủ cho tiến trình đàm phán và quyết định.
- 1.1g: Tiến hành quá trình quy hoạch SD đất có sự tham gia ở từng huyện, bao gồm các buổi đối thoại ở các xã, với các công cụ hỗ trợ như bản đồ, dữ liệu, cấu trúc các chỉ số bền vững liên quan trong Đầu ra 1.2; hoàn thiện các quy hoạch sử dụng đất bao gồm các mục tiêu tham vọng và định lượng về phát triển bền vững không mất rừng, và phù hợp với phê duyệt chính thức và sự phối hợp của UBND tỉnh để thông báo về việc thực hiện Quy hoạch cấp tỉnh.
- 1.2a: Tiến hành tham vấn chuyên gia và các bên liên quan về đề xuất bộ chỉ số tích hợp cấp tỉnh và huyện nhằm giám sát tiến trình dịch chuyển theo hướng cảnh quan



bền vững trong một khung GSDG tổng hợp. Đánh giá khoảng trống và soạn thảo kế hoạch liên quan. Rà soát các thông tin sẵn có về giám sát sử dụng đất bền vững ở cấp địa bàn và các cách tiếp cận đo đếm sự bền vững của một địa bàn, thông qua nghiên cứu so sánh các kinh nghiệm thí điểm cụ thể, hệ thống GSDG chương trình REDD+ cấp tỉnh, các bản quy hoạch cấp tỉnh Đắk Nông, các bản quy hoạch sử dụng đất của các huyện thí điểm và các yêu cầu cụ thể của VPA FLEGT.

- 1.2b: Thảo luận, cải thiện và thể chế hóa các mục tiêu, khoảng trống và các kế hoạch liên quan với cấp tỉnh và huyện. Thành lập cơ chế chính thức từ UBND tỉnh trợ giúp tiến trình giám sát thực hiện Quy hoạch tích hợp cấp tỉnh và cơ chế tương tự cấp huyện trong giám sát quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo cách quản lý tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững.
- 1.2c: Xây dựng qui chế thu thập và trao đổi dữ liệu, nền tảng dữ liệu chung, và thỏa thuận với các cơ quan liên quan để đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng đến các chỉ số địa bàn bền vững và các phương pháp tính toán căn bản liên quan (nền tảng dữ liệu chung cho tất cả các huyện thí điểm).
- 1.2d: Vận hành hệ thống tại 02 huyện Đắk G'Long và Đắk R'Lấp thí điểm (i) đảm bảo thực thi các qui chế thu thập thông tin và vận hành suôn sẻ nền tảng dữ liệu chung, (ii) chiết xuất báo cáo và phân tích hàng năm, hỗ trợ các cấp chính quyền giám sát thực thi Quy hoạch cấp tỉnh và các quy hoạch SD đất cấp huyện và (iv) từng bước cải thiện hệ thống.
- 1.3a: Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch SD đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.
- 1.3b: Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu, cao su, và hạt điều. Chọn ngành hàng cuối cùng thông qua phân tích và tham vấn thêm. Các diễn đàn ngành hàng sẽ bao gồm hai tỉnh thí điểm và tập hợp các chủ thể liên quan của chuỗi giá trị, bao gồm các đại diện từ các chủ thể trong nước và quốc tế. Dự án sẽ đặc biệt hỗ trợ sự tham gia tích cực của các bên liên quan tại địa phương ở bốn huyện thí điểm. Các điều khoản tham chiếu sẽ được xây dựng, các cuộc họp sẽ được tổ chức định kỳ, và các vấn đề cụ thể sẽ được xác định và phát triển theo từng diễn đàn ngành hàng, đặc biệt là (i) xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn bền vững, kinh nghiệm và tiến độ hướng tới thực hành phù hợp (đầu ra 1.4), (ii) tiến độ chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (đầu ra 1.2), (iii) đóng góp cho các chương trình nghị sự quốc gia, các thể chế và kế hoạch phát triển

từng ngành hàng, (iv) đóng góp vào việc xây dựng dữ liệu và giám sát tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững.

- 1.3c: Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và các huyện, xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...) để tham vấn thường xuyên và (i) xây dựng các tiêu chuẩn bền vững cho LSNG và dịch vụ từ rừng (ii) khuyến nghị để phát triển ngành, (iii) chỉ đạo chung, thu thập dữ liệu và thông tin thể hiện tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững. Dựa trên những buổi trao đổi này để xây dựng và phổ biến kiến thức và thực hiện vận động chính sách tích cực.
- 1.4a: Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm. Với việc tạo thuận lợi cho các diễn đàn và các nhóm bên liên quan dọc theo chuỗi giá trị (trong mỗi liên hệ chặt chẽ với các diễn đàn ngành hàng quốc gia, nếu liên quan), hoạt động này nhằm: (i) rà soát các tiêu chuẩn liên quan đến phát triển bền vững không gây mất rừng (có thể liên quan đến một ngành hàng cụ thể hoặc chung, ở các cấp khác nhau kể cả quốc tế), (ii) soạn thảo các tiêu chuẩn phản ánh Khung GSDG bền vững, (iii) dự thảo kế hoạch triển khai các tiêu chuẩn ở các huyện thí điểm, đánh giá các điều kiện khả thi về kinh tế và cơ hội triển khai toàn diện (từ tiếp cận tự nguyện đến bắt buộc), (iv) huy động sự tham gia của các bên liên quan để tạo động lực và cam kết áp dụng, (v) hoàn thiện tiêu chuẩn và thông qua chính thức bởi các bên liên quan (chính quyền, doanh nghiệp) với kế hoạch triển khai rõ ràng, (vi) phổ biến các tiêu chuẩn này theo các kênh truyền thông phù hợp, kể cả các tài liệu tập huấn của ngành ở cấp quốc gia, (v) XD các qui định liên quan (ví dụ: chỉ dẫn địa lý, nếu liên quan).
- 1.4b: Dự thảo tiêu chuẩn bền vững cho từng loại mô hình thí điểm LSNG và dịch vụ từ rừng, bao gồm các khâu như rà soát lại các tiêu chuẩn đã có, phân tích trình độ SX, các tiêu chuẩn kỹ thuật và qui trình triển khai. Với sự vào cuộc của mạng lưới đối tác LSNG và dịch vụ từ rừng, tổ chức thảo luận các tiêu chuẩn này và từng bước cải thiện; thiết lập các cơ chế đăng ký, hệ thống GSDG và truy xuất nguồn gốc để hướng dẫn và kiểm soát các khâu trong chuỗi (từ uơm giống, chuẩn bị trồng, đến giám sát, quản lý rủi ro, thu hái, chế biến và tiếp thị...). Đảm bảo có sự thông qua chính thức của các cấp liên quan để cho phép nhân rộng hiệu quả sau dự án.
- 1.5a: Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel). Hoạt động này gồm có (i) mở rộng qui mô giám sát và giao diện trực tuyến để phát đi cảnh báo mất rừng cho 3 huyện còn lại theo kỳ 2 tuần/lần, (ii) xác định, huy động và cung cấp tập huấn cho các bên liên quan trong theo dõi giám sát rừng (kiểm lâm, công an, lãnh đạo chính quyền, các doanh nghiệp, cộng đồng, NGOs) và sẵn sàng sử dụng dữ liệu cảnh báo sớm, (iii) cải thiện công cụ để tận dụng lợi thế kết hợp các hệ thống ảnh viễn thám (Sentinel 1 và 2), (iv) cải tiến giao diện trực tuyến để tiếp nhận phản hồi trực tuyến và thêm các trường dữ liệu liên quan như loại đất, quyền sử dụng đất và danh mục cây trồng

trên đó, (v) đào tạo và hỗ trợ các cán bộ kỹ thuật của Sở NN&PTNT Đắk Nông sử dụng thành thạo hệ thống này.

- 1.5b: Thúc đẩy các giải pháp tăng cường quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu từ dưới lên. Dự án sẽ rà soát các sáng kiến, cơ chế và công cụ trong quản lý sử dụng đất và quản trị rừng sẵn có tại tỉnh thí điểm và các địa bàn liên quan khác ở Việt Nam, bao gồm (i) các giải pháp sử dụng điện thoại di động để giám sát và tự cập nhật thông tin về các hiện tượng mất rừng từ lực lượng kiểm lâm, các NGO, người tuần tra bảo vệ rừng, (ii) ứng dụng điện thoại di động cho phép nông dân báo cáo về thực hành nông nghiệp, theo đó, bên cung cấp dịch vụ có thể tư vấn kịp thời và đúng thời điểm, như là một phần hệ thống truy xuất nguồn gốc, (iii) tích hợp các tầng dữ liệu của cả hệ thống công và tư vào một hệ thống chung. Việc đánh giá các giải pháp khả thi sẽ được phổ biến thông qua các kênh hiện có ở tỉnh thí điểm.
- 1.5c: Phối hợp với dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản để thực hiện: Dựa trên hoạt động 1.5a và 1.5b, phát triển một gói giải pháp toàn diện và khuyến nghị đẩy mạnh quản lý đất và quản trị rừng tại địa phương với sự kết hợp các giải pháp dữ liệu từ trên xuống và từ dưới lên, và thể chế hóa giải pháp tối ưu nhất. Quá trình này bao gồm (i) tổ chức đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm với các dự án khác tại VN, (ii) xây dựng đề xuất triển khai, nhân rộng và thể chế hóa các giải pháp đã thông qua và (iii) trao đổi với các bên liên quan ở cấp quốc gia và các nhà ra quyết định về các khuyến nghị, giải pháp, lộ trình để nhân rộng các thực hành tốt, bao gồm cả hệ thống Terra-i và các cấu trúc hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa.
- 1.6: Phối hợp với dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản để sử dụng Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp.

Kết quả 2 – Các tiêu chuẩn và thực hành tiêu chuẩn sản xuất hàng hóa bền vững, thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp, lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng.

- 2.1b: Tổng hợp thông tin và phân loại nông hộ, hệ thống canh tác và các vùng sinh thái nông nghiệp (AEZ) tại 2 huyện Đắk G'Long và Đắk R'Lấp: Căn cứ vào kết quả tham vấn và ý kiến chuyên gia trong Hoạt động 1.1d, bản đồ hóa các khu vực trồng cây hàng hóa chính, khu vực nông nghiệp tự cung tự cấp, LSNG và dịch vụ từ rừng tại 2 huyện Đắk G'Long và Đắk R'Lấp thí điểm, xác định cơ hội, các sức ép cụ thể, rủi ro, mức độ thiệt hại liên quan đến các yếu tố môi trường, kinh tế và xã hội (từ diện tích và tình trạng đất đai, đặc điểm nguồn nhân lực, các cây trồng chính, mức độ sử dụng chất hóa học, các thực hành nông nghiệp sinh thái, tác động BĐKH, tiếp cận thị trường, các cơ hội và nguy cơ cụ thể). Hoạt động này bao gồm công việc rà soát các phát hiện và khuyến nghị từ cho phát triển LSNG và dịch vụ từ rừng tại 02 huyện Đắk G'Long và Đắk R'Lấp, làm rõ các nội dung Quyết định số 13-2017 và Kết luận số 97-KL/TW năm 2014 về đóng cửa rừng và kiểm soát chặt chẽ LSNG cũng như khả năng XD tiêu chuẩn LSNG trong rừng tự nhiên.
- 2.1c: Xếp loại ưu tiên các mô hình thí điểm dựa vào tiềm năng tác động trong việc tăng cường khả năng thích ứng, thu nhập cho nông dân và tính đa lợi ích trong giảm thiểu tác động BĐKH. Kiểm chứng các ưu tiên với chính quyền địa phương

và các bên liên quan khác thông qua các hội thảo cấp tỉnh và huyện. Cuối cùng, lựa chọn từ 6 đến 12 mô hình can thiệp dành cho từ 3-4 loại hộ nông dân trong (i) Hệ thống canh tác cây công nghiệp, (ii) các giải pháp nông nghiệp sinh thái cho các cộng đồng bị thiệt thòi và (iii) hệ thống sản xuất LSNG.

- 2.1d: Đối với mỗi mô hình ưu tiên, tiến hành phân tích sâu về kinh tế và xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật. Thảo luận và trình bày các kết quả với chính quyền địa phương và các bên liên quan. Chuẩn bị các tài liệu thân thiện với từng đối tượng (nông dân, doanh nghiệp thu mua, nhà đầu tư...) cho các mô hình ưu tiên (VD: tài liệu về cơ hội đầu tư...).
- 2.1e: 04 mô hình nông nghiệp sinh thái phù hợp với các địa bàn thí điểm được thực nghiệm và giám sát một cách khoa học tại hiện trường. Xây dựng điều khoản tham chiếu và tiến hành một nghiên cứu ưu tiên nhằm cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái trên địa bàn, thiết lập quan hệ đối tác với các chuyên gia, tổ chức đề nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu.
- 2.2a: Xây dựng tài liệu tập huấn và đào tạo nông dân tại các vùng thí điểm xác định trong Hoạt động 2.3a và các nội dung khác liên quan (đất, nước, quản lý hóa chất, rủi ro BĐKH, quy hoạch cảnh quan, thực hành và mô hình cây hàng hóa cụ thể, nông lâm kết hợp, mô hình nông nghiệp sinh thái và hữu cơ, mô hình LSNG, tổ chức nông dân, tiếp cận thị trường, quản lý thông tin và tính đa lợi ích...); hỗ biến tài liệu tập huấn rộng rãi đến các chương trình đào tạo liên quan của ngành ở cấp quốc gia nhằm nhân rộng trong các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của khu vực nhà nước và doanh nghiệp: thiết lập danh mục tổng hợp các tập huấn liên quan hỗ trợ bởi các tổ chức khác và tổ chức tập huấn cho tập huấn viên một cách thích hợp; đồng tài trợ tập huấn ở 02 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm.
- 2.2b: Nâng cao nhận thức và tăng cường động lực phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái thông qua (i) chiến dịch truyền thông và vận động chính sách cho nông nghiệp sinh thái; (ii) hướng dẫn đối thoại giữa các đối tác công tư cấp tỉnh về nông nghiệp sinh thái nhằm tích lũy kinh nghiệm và từng bước cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái, hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp thực thi tại hiện trường, tiếp thị sản phẩm (tài chính, bảo hiểm, hợp đồng thu mua...); và (iii) hỗ trợ các sở ban ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách để nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái trong các trụ cột chính nhằm quản lý cảnh quan nông thôn bền vững.
- 2.3a: Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Xác định, phân loại và kiểm chứng tại hiện trường cho các khu vực thí điểm dựa vào kết quả quy hoạch sử dụng đất (theo Đầu ra 1.1), các mô hình kinh doanh và lộ trình nhân rộng (Đầu ra 3.2). Tổ chức tham vấn và hội thảo với chính quyền địa phương và các bên liên quan để kiểm chứng các khu vực thí điểm, chú ý gắn kết với chương trình “mỗi xã một sản phẩm – OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới.
- 2.3b: Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ nông dân thực hiện sản xuất cây hoa màu một

cách bền vững. Hỗ trợ các khâu kỹ thuật, tổ chức, vật tư cho các khu vực thí điểm đã xác định trong Hoạt động 2.1f (và hỗ trợ kỹ thuật –tổ chức bên ngoài khu vực thí điểm trên) để thực hiện các thực hành SX tốt (bao gồm hỗ trợ tiến trình XD tầm nhìn chung, lập kế hoạch XD cảnh quan mẫu, kiểm tra chất lượng đất, giống cho nông lâm kết hợp và trồng xen, công trình tưới và vật tư, phân rõ ranh giới đất, vành đai xanh và quyền sở hữu đất).

- 2.3c: Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái. Trong các mô hình thí điểm xác định ở HĐ 2.1f, tiến hành tham vấn và nâng cao năng lực, lựa chọn hộ nông dân tình nguyện, hỗ trợ họ thiết kế và thực hiện nông nghiệp sinh thái trên diện tích đất nông nghiệp của họ, giám sát và đánh giá kết quả. Bố trí vốn đối ứng để xây dựng mô hình.
- 2.3d: Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình LSNG và dịch vụ từ rừng. Tại các khu vực thí điểm xác định trong hoạt động 2.1f, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ; xây dựng kế hoạch, ngân sách quản lý cấp cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp vật tư và các loại hình hỗ trợ khác nếu cần cho từng bên (các hộ gia đình tự nguyện thí điểm, tổ chức tài chính, VNFF, các công ty thu mua, chế biến, v.v).
- 2.4: Phối hợp sử dụng dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp.

Kết quả 3 - Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng cảnh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.

- 3.1a: Xây dựng ToR cho hoạt động hệ thống thường trực cấp tỉnh (Đắk Nông) để theo dõi và phân tích các nguồn tài chính công-tư liên quan đến sử dụng đất bền vững và biến đổi khí hậu, dựa trên hoạt động tương tự được EFI hỗ trợ năm 2016-2017 tại Tây Nguyên. ToR sẽ làm rõ kết quả mong đợi, phương pháp, dữ liệu yêu cầu, qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu một cách liên tục, cũng như các sắp xếp thể chế và các qui trình phân tích và đối thoại liên ngành. ToR sẽ cần trình UBND tỉnh Đắk Nông thông qua trước khi thiết lập hệ thống.
- 3.1b: Xây dựng hệ thống: thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống GSDG tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.
- 3.1c: Dựa trên các báo cáo hàng năm về dòng đầu tư cho SD đất và biến đổi khí hậu tại Đắk Nông, tiến hành hỗ trợ đối thoại liên ngành về quy hoạch sử dụng đất tích hợp (Đầu ra 1.1) và chiến dịch vận động chính sách giúp cho các dòng đầu tư công-tư vào tỉnh đóng góp tốt hơn cho các chỉ tiêu bền vững trên địa bàn về môi

trường, sản xuất và ứng phó BĐKH, đặc biệt đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Hỗ trợ kỹ thuật giúp cho chủ các dự án nghiên cứu và thử nghiệm cách thức hiệu quả để lồng ghép tốt hơn nguồn lực dự án của họ vào các mục tiêu chuyển dịch theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng.

- 3.2a: Xây dựng các mô hình kinh doanh khả thi để khẳng định tính kinh tế và cơ hội kinh doanh cho ít nhất 03 mô hình bền vững của cây hàng hóa và LSNG và dịch vụ từ rừng (gắn với HĐ 2.1b và 2.3b). Hoạt động này bao gồm thu thập và phân tích thêm thông tin, đánh giá tiềm năng kinh tế của mô hình bền vững cấp nông hộ và cấp cảnh quan, có tính đến các khía cạnh như sản xuất tại thực địa, năng lực và khả năng hỗ trợ kỹ thuật, các công cụ đảm bảo tính bền vững của chuỗi như truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, đăng ký và hệ thống quản lý thông tin.
- 3.2b: Đánh giá ảnh hưởng chi phí đa quy mô của việc chuyển đổi mô hình theo hướng bền vững ở cấp nông trại và cấp chuỗi cung ứng, và đánh giá toàn diện về nhu cầu vốn tăng thêm cũng như khoản đầu tư thiếu hụt để thực hiện chuyển đổi toàn bộ 03 ngành hàng đã được lựa chọn ra toàn bộ chuỗi liên quan ở tỉnh Đắk Nông, tập trung phân tích sâu và chính xác cho 2 huyện Đắk G'Long và Đắk R'Lấp thí điểm Đồng thời, tham vấn với khu vực doanh nghiệp và cơ quan hành chính để rà soát nguồn tài chính hiện có, định lượng khoản thiếu hụt và yêu cầu và xem xét tiềm năng huy động phù hợp nhất và cơ chế tài chính.
- 3.2c: Phổ biến các phát hiện của các đánh giá trong hoạt động 3.1a và 3.1b đến các doanh nghiệp trong các ngành hàng nông nghiệp chính, LSNG và dịch vụ từ rừng (các đơn vị thu mua, nhà bán lẻ trong nước và quốc tế, nhà máy chế biến, hợp tác xã, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc đầu vào...) Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát. Hoạt động này giúp hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược phù hợp với các tiêu chí cho vay của ngân hàng.
- 3.3a: Phối hợp với dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản: Xây dựng mô hình tài chính điển hình thu hút ngành tài chính và bảo hiểm, thông qua phân tích và định lượng qui mô thị trường vốn trong phạm vi đề xuất, VD: trình bày số lượng dự án có thể đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của ngân hàng về hồ sơ rủi ro, lợi nhuận, qui mô dự án, các lợi ích về xã hội và môi trường...Đồng thời, phân tích các cản trở trong đầu tư và huy động tài chính, và thực hiện phân tích kinh tế vĩ mô nhằm giúp ngân hàng nhận biết được tiềm năng thị trường trong tương lai.
- 3.3b: Phối hợp với dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản: Thu hút các định chế tài chính trong nước, quốc tế, và các đối tác tiềm năng khác trong các công cụ tài chính hỗn hợp và chia sẻ rủi ro, thông qua các cuộc họp song phương để phổ biến các phát hiện và kết quả đánh giá trong Hoạt động 3.2a và nhận định các cơ hội tiềm năng. Tiến hành đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát.
- 3.4a: Rà soát các thách thức và cơ hội để mở rộng và cải thiện Chi trả DVMTR, với cách tiếp cận chiến lược hơn trong việc sử dụng Chi trả DVMTR (ít nhất là

phần doanh thu tăng thêm của Chi trả DVMTR) như một công cụ đồng tài trợ để thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành hàng nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững và có lợi nhuận Hoạt động này cần sự chấp thuận của VNFF và UBND tỉnh Đắk Nông; rà soát các phân tích, quyết định và các mô hình đã thí điểm, hỗ trợ đối thoại phối hợp giữa các bên liên quan (bao gồm Bộ TC, Bộ NNPTNT, Bộ TN&MT...) ở cấp trung ương và cấp tỉnh; và có thể soạn thảo và thông qua cơ chế thử nghiệm ở các huyện thí điểm hoặc nhân rộng ở cấp cao hơn.

- 3.4b: Thiết kế mô hình thí điểm, bao gồm cấu trúc tổng thể, qui trình chi tiết, cách thức vận hành, hướng dẫn kỹ thuật và sắp xếp thể chế; thiết kế các phương pháp hạch toán trong thu và phân bổ nguồn lực, thu hút bên sử dụng dịch vụ, truyền thông cho người hưởng lợi tiềm năng, thiết kế hệ thống GSDG... Việc thiết kế và vận hành hệ thống GSDG sẽ dựa trên hệ thống GSDG về tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững mở rộng (Đầu ra 1.2), kết nối với hệ thống giám sát đầu tư công (Đầu ra 3.4), nhằm cho phép đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường và các yếu tố hấp dẫn các bên đồng tài trợ khác một cách thường xuyên. Các mục tiêu sẽ gắn liền với mức độ tài chính và hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động cấp hiện trường theo kết quả 2.
- 3.4c: Thực hiện mô hình Chi trả DVMTR thí điểm ở cấp phù hợp (ít nhất trên 01 huyện Đắk G'Long hoặc Đắk R'Lấp). Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn VNFF ở cấp liên quan để vận hành thí điểm và hệ thống GSDG. Đánh giá tác động định kỳ và truyền thông về kết quả đánh giá để từng bước tăng động lực cải thiện và nhân rộng.
- 3.5: Phối hợp với dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản để sử dụng Dịch vụ Hỗ trợ Kỹ thuật Trực tiếp do UNDP cung cấp.

Kết quả 4 – Tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia.

- 4.1a: Trang thiết bị
- 4.1b: Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho VP Ban Chỉ đạo NN về Chương trình Lâm nghiệp Bền vững (SSCO REDD+).
- 4.1c: Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững sẽ được điều chỉnh với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) cấp quốc gia trong REDD+ Việt Nam, tăng cường tính bền vững dài hạn và các kết quả môi trường và xã hội. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện quy hoạch SD đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê (1.4a) để xác định nội dung liên quan đến giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn; iii) Xây dựng năng lực cho cấp huyện và tỉnh trong việc vận hành thí điểm hướng dẫn ở tỉnh khác; iv) Điều phối với Khung GSDG chung cho tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (1.2), với việc xác định các thông tin/chỉ số liên quan

ĐBAT trong khung chung và các hệ thống GSDG liên quan; v) Cải thiện Hệ thống Thông tin ĐBAT Giai đoạn 1 của Việt Nam để lồng ghép thông tin từ sáng kiến không gây mất rừng.

- 4.2a: Phối hợp với UNDP xây dựng các sản phẩm tri thức và truyền thông, bao gồm các phim tư liệu, tài liệu về các khía cạnh cụ thể trong cách tiếp cận quản lý cảnh quan bền vững tích hợp (tiêu chuẩn, chỉ dẫn địa lý, giám sát theo thời gian thực, truy xuất nguồn gốc, quản lý dữ liệu địa phương, nông nghiệp sinh thái, nông-lâm kết hợp, giám sát dựa vào cộng đồng, các công cụ tài chính, kiến thức bản địa và các mô hình kinh doanh ...). Hỗ trợ các đối tác và các bên liên quan chia sẻ kinh nghiệm và các phát hiện ở trong nước và quốc tế.
- 4.2b: Hỗ trợ các cơ quan chính phủ liên quan (VP Ban chỉ đạo LNBV và REDD+, Bộ NN&PTNT, Bộ TNMT và Bộ KHĐT...) và chính quyền cấp tỉnh trao đổi và xây dựng quan hệ đối tác để hoàn thiện và đẩy mạnh thực thi tiếp cận theo hướng địa bàn phát triển bền vững không mất rừng ở Đắk Nông, và nhân rộng trong khu vực.
- 4.2c: Xây dựng các Bản tin khuyến nghị chính sách để tổng hợp các kết quả, bài học kinh nghiệm, đề xuất hướng tiếp theo nhằm nhân rộng mô hình quản lý cảnh quan bền vững và tiếp cận địa bàn bền vững không mất rừng. Phổ biến các phát hiện và khuyến nghị thông qua các diễn đàn/sự kiện địa phương và trung ương, bao gồm cả hội thảo kết thúc dự án.
- 4.2d: Phối hợp với dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản để thực hiện nội dung Cung cấp hỗ trợ chính sách dựa trên các giải pháp đã thử nghiệm và tạo nền móng cho quản lý cảnh quan bền vững và phương pháp tiếp cận theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng tại Việt Nam được đưa vào các chính sách và văn bản pháp luật liên quan.

#### Mô tả nguồn lực đầu vào:

- Tuyển dụng và triển khai các chuyên gia và nhân viên một cách thích hợp
- Trang thiết bị
- Hội thảo, tập huấn, tham vấn

#### Phụ lục:

*Đính kèm, nếu thích hợp, là mô tả công việc cho tư vấn, điều khoản tham chiếu cho hợp đồng, thông số kỹ thuật cho các hạng mục thiết bị, mẫu sử dụng trong tập huấn, v.v...*



**Phục lục 3**  
**KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG, NGÂN SÁCH VÀ THANH TOÁN**

Năm thứ 1 2022

KẾT QUẢ DỰ KIẾN và chỉ số bao gồm mục tiêu theo năm	Hoạt động dự kiến	Khung thời gian				Ngân sách (đồng)		Lịch thanh toán của UNDP				
		Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Mô tả ngân sách	Số tiền	Q1	Q2	Q3	Q4	
Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh	1.1 a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.		X	X	X	Chuyển tới đối tác	821.731.700		205.421.500	410.865.850	205.444.350
	1.1 b	Thiết lập kênh đối thoại chính thức và có qui chế hoạt động (ai tham gia, về nội dung gì, khi nào, và vận hành ra sao) để điều phối các nỗ lực lập quy hoạch/kế hoạch cấp huyện, bao gồm trao đổi với cấp tỉnh và huy động cấp xã tham gia, chính thức hóa thông qua một Biên bản ghi nhớ (MoU)		X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550		20.130.850	40.238.850	20.130.850
	1.3 a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực		X	X	X	Chuyển tới đối tác	120.739.400		30.184.850	60.369.700	30.184.850

	thì của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch SD đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bản bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.									
1.3 b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu và cao su, hạt điều.	X	X	X	Chuyên tới đối tác	144.869.000		36.217.250	72.434.500	36.217.250
1.3 c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...)	X	X	X	Chuyên tới đối tác	26.848.750		6.717.900	13.412.950	6.717.900
1.4 a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm.	X	X	X	Chuyên tới đối tác	40.216.000		10.054.000	20.108.000	10.054.000
1.5 a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).	X	X	X	Chuyên tới đối tác	265.288.500		66.310.700	132.644.250	66.333.550
1.5 b	Thúc đẩy các giải pháp quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu hiện trường từ dưới lên.	X	X	X	Chuyên tới đối tác	32.218.500		8.043.200	16.109.250	8.066.050

<p>Kết quả 2: Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng</p>	2.1 b	<p>Tổng hợp thông tin và phân loại nông hộ, hệ thống canh tác và các vùng sinh thái nông nghiệp (AEZ) tại 2 huyện thí điểm: Căn cứ vào kết quả tham vấn và ý kiến chuyên gia trong Hoạt động 1.1d, bản đồ hóa các khu vực trồng cây hàng hóa chính, khu vực nông nghiệp tự cung tự cấp, LSNG và dịch vụ từ rừng tại 2 huyện thí điểm, xác định cơ hội, các sức ép cụ thể, rủi ro, mức độ thiệt hại liên quan đến các yếu tố môi trường, kinh tế và XH (từ diện tích và tình trạng đất đai, đặc điểm nguồn nhân lực, các cây trồng chính, mức độ sử dụng chất hóa học, các thực hành nông nghiệp sinh thái, tác động BĐKH, tiếp cận thị trường, các cơ hội và nguy cơ cụ thể). Hoạt động này bao gồm công việc rà soát các phát hiện và khuyến nghị từ cho phát triển LSNG và dịch vụ từ rừng tại 02 huyện, làm rõ các nội dung Quyết định số 13-2017 và Kết luận số 97-KL/TW năm 2014 về đóng cửa rừng và kiểm soát chặt chẽ LSNG cũng như khả năng XD tiêu chuẩn LSNG trong rừng tự nhiên.</p>	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	67.087.600	33.543.800
	2.1 c	<p>Xếp loại ưu tiên các mô hình thí điểm dựa vào tiềm năng tác động trong việc tăng cường khả năng thích ứng, thu nhập cho nông dân và tính đa lợi ích trong giảm thiểu tác động BĐKH. Kiểm chứng các ưu tiên với chính quyền địa phương và các bên liên quan khác thông qua các hội thảo cấp tỉnh và huyện. Cuối cùng, lựa chọn từ 6 đến 12 mô hình can thiệp dành cho từ 3-4 loại hộ nông dân trong (i) Hệ thống canh tác cây công nghiệp, (ii) các giải pháp nông nghiệp sinh thái</p>	X	X	X	Chuyển tới đối tác	107.326.450	26.825.900	53.651.800	26.848.750

		cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ và (iii) hệ thống sản xuất LSNG.									
<p>Kết quả 3: Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng cảnh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.</p>	3.1 a	<p>Xây dựng ToR cho hoạt động hệ thống thường trực cấp tỉnh (Đắk Nông) để theo dõi và phân tích các nguồn tài chính công-tư liên quan đến sử dụng đất bền vững và biến đổi khí hậu, dựa trên hoạt động tương tự được EFI hỗ trợ năm 2016-2017 tại Tây Nguyên. ToR sẽ làm rõ kết quả mong đợi, phương pháp, dữ liệu yêu cầu, qui trình thu thập, tiếp cận, xử lý dữ liệu một cách liên tục, cũng như các sắp xếp thể chế và các qui trình phân tích và đối thoại liên ngành. ToR sẽ cần trình UBND tỉnh Đắk Nông thông qua trước khi thiết lập hệ thống.</p>		X	X	X	Chuyên tới đối tác	40.238.850	10.054.000	20.108.000	10.076.850
	3.1 b	<p>Xây dựng hệ thống: Thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống GSDG tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.</p>		X	X	X	Chuyên tới đối tác	28.174.050	7.037.800	14.075.600	7.060.650
	3.4 a	<p>Rà soát các thách thức và cơ hội để mở rộng và cải thiện Chi trả DVMTR, với cách tiếp cận chiến</p>		X	X	X	Chuyên tới đối tác	40.238.850	10.054.000	20.108.000	10.076.850

		lược hơn trong việc sử dụng Chi trả DVMTR (ít nhất là phần doanh thu tăng thêm của Chi trả DVMTR) như một công cụ đồng tài trợ để thúc đẩy phát triển các chuỗi ngành hàng nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững và có lợi nhuận Hoạt động này cần sự chấp thuận của VNFF và UBND tỉnh thí điểm; rà soát các phân tích, quyết định và các mô hình đã thí điểm, hỗ trợ đối thoại phối hợp giữa các bên liên quan (bao gồm Bộ TC, Bộ NNPTNT, Bộ TN&MT...) ở cấp trung ương và cấp tỉnh; và có thể soạn thảo và thông qua cơ chế thử nghiệm ở các huyện thí điểm hoặc nhân rộng ở cấp cao hơn.										
Kết quả 4: Tính bền vững và khả năng nhận rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia	4.1 a	Trang thiết bị		X	X	X	Trang thiết bị	110.022.750		27.511.400	54.999.950	27.511.400
	4.1 b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho VP Ban Chỉ đạo NN về Chương trình Lâm nghiệp Bền vững (SSCO REDD+).		X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200		33.543.800	67.087.600	33.543.800
	4.1 c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững ở các địa bàn phù hợp với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) trong REDD+ Việt Nam, hướng đến các kết quả môi trường và xã hội bền vững lâu dài. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện qui hoạch SD đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT		X	X	X	Chuyển tới đối tác	46.956.750		11.744.900	23.466.950	11.744.900

		(VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê (1.4a) để xác định nội dung liên quan đến giải quyết và tôn trọng các biện pháp đảm bảo an toàn; iii) Xây dựng năng lực cho cấp huyện và tỉnh trong việc vận hành thí điểm hướng dẫn ở các tỉnh khác; iv) Điều phối với Khung GSDG chung cho tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững (1.2), với việc xác định các thông tin/chi số liên quan ĐBAT trong khung chung và các hệ thống GSDG liên quan; v) Cải thiện Hệ thống Thông tin ĐBAT Giai đoạn 1 của Việt Nam để lồng ghép thông tin từ sáng kiến không gây mất rừng.								
		<b>Tổng cộng Năm thứ 1 (đồng)</b>				<b>2.173.720.500</b>		<b>543.395.850</b>	<b>1.086.768.850</b>	<b>543.555.800</b>
		<b>Tổng cộng Năm thứ 1 (US\$)</b> <b>(Quy đổi theo tỷ giá LHQ vào tháng 3/2022: 22.850)</b>				<b>95.130</b>		<b>23.781</b>	<b>47.561</b>	<b>23.788</b>

KẾT QUẢ DỰ KIẾN và chỉ số bao gồm mục tiêu theo năm	Hoạt động dự kiến	Khung thời gian				Ngân sách (đồng)		Lịch thanh toán của UNDP				
		Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Mô tả ngân sách	Số tiền	Q1	Q2	Q3	Q4	
Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh	1.1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	821.731.700	205.421.500	205.444.350	205.421.500	205.444.350
	1.1c	Xây dựng qui trình và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất tích hợp, theo không gian cho từng huyện, xác định mục tiêu và nguyên tắc, lồng ghép các ưu tiên môi trường xã hội, xác định các dữ liệu còn thiếu, làm rõ cách tiếp cận thu thập dữ liệu và các chiến dịch tham vấn, xác định các bước chính để tham vấn, đàm phán và thông qua. Soạn thảo cuốn sổ tay hướng dẫn và khái quát hóa quy trình lập quy hoạch và cập nhật vào cuối quá trình để phản ánh các bài học từ dự án.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550	20.108.000	20.130.850	20.130.850	20.130.850
	1.1d	Tại mỗi huyện, chuẩn bị và thực hiện qui trình quy hoạch SD đất tích hợp với các nhiệm vụ: i) tập huấn các nhóm nông cốt về hướng dẫn quy hoạch; ii) làm rõ các dữ liệu/phân tích còn thiếu và phát triển kế hoạch thực hiện để hỗ trợ quy hoạch sử dụng đất tích hợp; iii) xác định ưu tiên thu thập dữ liệu, XD bản đồ, tiến hành phân tích (bao gồm SD đất, rừng, các yếu tố môi trường và xã hội); iv) hỗ trợ tham vấn và nâng cao năng lực, bao gồm cả hỗ trợ cấp xã và cộng đồng địa phương	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	1.073.310.200	268.327.550	268.350.400	268.327.550	268.304.700
	1.1e	Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 1 – Bản đồ sử dụng đất cho cây trồng cụ thể: Xây dựng bản đồ sử dụng đất cho từng huyện với thông tin chính xác về phân bố cây trồng chính ngay thời điểm bắt đầu và kết thúc dự án.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	107.326.450	26.825.900	26.825.900	26.825.900	26.848.750

	Công cụ này sử dụng ảnh viễn thám có độ phân giải cao và công nghệ máy học (deep learning) và cách tiếp cận có sự tham gia. Các bản đồ cũng sẽ hỗ trợ lập kế hoạch triển khai các hoạt động (Đầu ra 1.1) và giám sát đánh giá (Đầu ra 1.2).										
1.1f	Xây dựng bộ Công cụ hỗ trợ số 2: Thử nghiệm sử dụng công cụ nhà quy hoạch SD đất tại 01 huyện thí điểm, nơi có dữ liệu đầy đủ nhất. Với sự tham gia của các bên liên quan, tiến hành các phân tích về lợi ích chi phí để đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường của các quyết định quy hoạch lựa chọn (bao gồm tác động đối với việc làm, an ninh lương thực, mất rừng và sinh khối cacbon, chia sẻ lợi ích, đa dạng sinh học, lao động và hiệu suất sử dụng đất) nhằm thông tin đầy đủ cho tiến trình đàm phán và quyết định.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	107.326.450	26.848.750	26.825.900	26.825.900	26.825.900
1.1g	Tiến hành quá trình quy hoạch SD đất có sự tham gia ở từng huyện, bao gồm các buổi đối thoại ở các xã, với các công cụ hỗ trợ như bản đồ, dữ liệu, cấu trúc các chỉ số bền vững liên quan trong Đầu ra 1.2; hoàn thiện các quy hoạch sử dụng đất bao gồm các mục tiêu tham vọng và định lượng về phát triển bền vững không mất rừng, và phù hợp với phê duyệt chính thức và sự phối hợp của UBND tỉnh để thông báo về việc thực hiện Quy hoạch cấp tỉnh.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	375.654.000	93.913.500	93.913.500	93.913.500	93.913.500
1.2a	Tiến hành tham vấn chuyên gia và các bên liên quan về đề xuất bộ chỉ số tích hợp cấp tỉnh và huyện nhằm giám sát tiến trình dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững trong một khung GSDG tổng hợp. Đánh giá khoảng trống và soạn thảo kế hoạch liên quan. Rà soát các thông tin sẵn có về giám sát sử dụng đất bền vững ở cấp địa bàn và các cách tiếp cận đo đếm sự bền vững của một địa bàn, thông qua nghiên cứu so sánh các kinh nghiệm thí điểm cụ thể, hệ thống	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	187.827.000	46.956.750	46.933.900	46.979.600	46.956.750



		GSDG chương trình REDD+ cấp tỉnh, các bản quy hoạch cấp tỉnh Đắk Nông, các bản quy hoạch sử dụng đất của các huyện thí điểm và các yêu cầu cụ thể của VPA FLEGT.										
	1.2b	Thảo luận, cải thiện và thể chế hóa các mục tiêu, khoảng trống và các kế hoạch liên quan với cấp tỉnh và huyện. Thành lập cơ chế chính thức từ UBND tỉnh trợ giúp tiến trình giám sát thực hiện Quy hoạch tích hợp cấp tỉnh và cơ chế tương tự cấp huyện trong giám sát quy hoạch sử dụng đất cấp huyện theo cách quản lý tiến trình chuyên dịch theo hướng bền vững	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	107.326.450	26.848.750	26.825.900	26.825.900	26.825.900
	1.2c	Xây dựng qui chế thu thập và trao đổi dữ liệu, nền tảng dữ liệu chung, và thỏa thuận tiếp cận dễ dàng đến các chỉ số địa bàn bền vững và các phương pháp tính toán căn bản liên quan (nền tảng dữ liệu chung cho tất cả các huyện thí điểm).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550	20.130.850	20.130.850	20.130.850	20.108.000
	1.3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyên dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch SD đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	120.739.400	30.184.850	30.184.850	30.184.850	30.184.850

		bản bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.										
	1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu, cao su, và hạt điều.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	144.869.000	36.217.250	36.217.250	36.217.250	36.217.250
	1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và các huyện, xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...)	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	53.697.500	13.435.800	13.412.950	13.435.800	13.412.950
	1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	40.216.000	10.054.000	10.054.000	10.054.000	10.054.000
	1.4. b	Dự thảo tiêu chuẩn bền vững cho từng loại mô hình thí điểm LSNG và dịch vụ từ rừng, bao gồm các khâu như rà soát lại các tiêu chuẩn đã có, phân tích trình độ SX, các tiêu chuẩn kỹ thuật và qui trình triển khai.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	53.697.500	13.435.800	13.412.950	13.435.800	13.412.950
	1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	135.729.000	33.932.250	33.932.250	33.932.250	33.932.250
	1.5b	Thúc đẩy các giải pháp tăng cường quản lý sử dụng đất và quản trị rừng thông qua thu thập dữ liệu từ dưới lên	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	21.479.000	5.369.750	5.369.750	5.369.750	5.369.750
Kết quả 2: Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp	2.1d	Đối với mỗi mô hình ưu tiên, tiến hành phân tích sâu về kinh tế và xây dựng các hướng dẫn kỹ thuật. Thảo luận và trình bày các kết quả với chính quyền địa phương và các bên liên quan. Chuẩn bị các tài liệu thân thiện với từng đối tượng (nông dân, doanh nghiệp thu mua, nhà đầu tư...) cho các mô hình ưu tiên (VD: tài liệu về cơ hội đầu tư....)	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	53.697.500	13.435.800	13.412.950	13.435.800	13.412.950

và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng	2.2a	Xây dựng tài liệu tập huấn và đào tạo nông dân tại các vùng thí điểm xác định trong Hoạt động 2.3a và các nội dung khác liên quan (đất, nước, quản lý hóa chất, rủi ro BĐKH, quy hoạch cảnh quan, thực hành và mô hình cây hàng hóa cụ thể, nông lâm kết hợp, mô hình nông nghiệp sinh thái và hữu cơ, mô hình LSNG, tổ chức nông dân, tiếp cận thị trường, quản lý thông tin và tính đa lợi ích...); Phổ biến tài liệu tập huấn rộng rãi đến các chương trình đào tạo liên quan của ngành ở cấp quốc gia nhằm nhân rộng trong các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của khu vực nhà nước và doanh nghiệp; thiết lập danh mục tổng hợp các tập huấn liên quan hỗ trợ bởi các tổ chức khác và tổ chức tập huấn cho tập huấn viên một cách thích hợp; đồng tài trợ tập huấn ở 02 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800
	2.2b	Nâng cao nhận thức và tăng cường động lực phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái thông qua (i) chiến dịch truyền thông và vận động chính sách cho nông nghiệp sinh thái; (ii) hướng dẫn đối thoại giữa các đối tác công tư cấp tỉnh về nông nghiệp sinh thái nhằm tích lũy kinh nghiệm và từng bước cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái, hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp thực thi tại hiện trường, tiếp thị sản phẩm (tài chính, bảo hiểm, hợp đồng thu mua...); và (iii) hỗ trợ các sở ban ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách để nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái trong các trụ cột chính nhằm quản lý cảnh quan nông thôn bền vững	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800

	2.3a	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Xác định, phân loại và kiểm chứng tại hiện trường cho các khu vực thí điểm dựa vào kết quả quy hoạch sử dụng đất (theo Đầu ra 1.1), các mô hình kinh doanh và lộ trình nhân rộng (Đầu ra 3.2). Tổ chức tham vấn và hội thảo với chính quyền địa phương và các bên liên quan để kiểm chứng các khu vực thí điểm, chú ý gắn kết với chương trình “mỗi xã một sản phẩm – OCOP” trong Chương trình Nông thôn Mới.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800
	2.3c	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái. Trong các mô hình thí điểm xác định ở HĐ 2.1f, tiến hành tham vấn và nâng cao năng lực, lựa chọn hộ nông dân tình nguyện, hỗ trợ họ thiết kế và thực hiện nông nghiệp sinh thái trên diện tích đất nông nghiệp của họ, giám sát và đánh giá kết quả.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	281.740.500	70.446.550	70.423.700	70.446.550	70.423.700
	2.3d	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình LSNG và dịch vụ từ rừng. Tại các khu vực thí điểm xác định trong hoạt động 2.1f, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ; xây dựng kế hoạch, ngân sách quản lý cấp cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp vật tư và các loại hình hỗ trợ khác nếu cần cho từng bên (các hộ gia đình tự nguyện thí điểm, tổ chức tài chính, VNFF, các công ty thu mua, chế biến, v.v). Bố trí vốn đối ứng để xây dựng mô hình	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	281.740.500	70.446.550	70.423.700	70.446.550	70.423.700
Kết quả 3: Môi trường tài chính được cải	3.1b	Xây dựng hệ thống: thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	28.174.050	7.060.650	7.037.800	7.037.800	7.037.800

thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng canh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.		các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống GSDG tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng canh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.										
	3.1c	Dựa trên các báo cáo hàng năm về dòng đầu tư cho SD đất và biến đổi khí hậu tại Đắk Nông, tiến hành hỗ trợ đối thoại liên ngành về quy hoạch sử dụng đất tích hợp (Đầu ra 1.1) và chiến dịch vận động chính sách giúp cho các dòng đầu tư công-tư vào tỉnh đóng góp tốt hơn cho các chỉ tiêu bền vững trên địa bàn về môi trường, sản xuất và ứng phó BĐKH, đặc biệt đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Hỗ trợ kỹ thuật giúp cho chủ các dự án nghiên cứu và thử nghiệm cách thức hiệu quả để lồng ghép tốt hơn nguồn lực dự án của họ vào các mục tiêu chuyển dịch theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	53.697.500	13.435.800	13.412.950	13.435.800	13.412.950
	3.2a	Xây dựng các mô hình kinh doanh khả thi để khẳng định tính kinh tế và cơ hội kinh doanh cho ít nhất 03 mô hình bền vững của cây hàng hóa và LSNG và dịch vụ từ rừng (gắn với HD 2.1b và 2.3b). Hoạt động này bao gồm thu thập và phân tích thêm thông tin, đánh giá tiềm năng kinh tế của mô hình bền vững cấp nông hộ và cấp canh quan, có tính đến các khía cạnh như sản xuất tại thực địa, năng lực và khả năng hỗ trợ kỹ thuật, các công cụ đảm bảo tính bền vững của chuỗi như truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, đăng ký và hệ thống quản lý thông tin.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050

	3.2b	<p>Đánh giá ảnh hưởng chi phí đa quy mô của việc chuyển đổi mô hình theo hướng bền vững ở cấp nông trại và cấp chuỗi cung ứng, và đánh giá toàn diện về nhu cầu vốn tăng thêm cũng như khoản đầu tư thiếu hụt để thực hiện chuyển đổi toàn bộ 03 ngành hàng đã được lựa chọn ra toàn bộ chuỗi liên quan ở tỉnh Đắk Nông, tập trung phân tích sâu và chính xác cho 2 huyện Đắk G'Long và Đắk R'Lấp thí điểm Đồng thời, tham vấn với khu vực doanh nghiệp và cơ quan hành chính để rà soát nguồn tài chính hiện có, định lượng khoản thiếu hụt và yêu cầu và xem xét tiềm năng huy động phù hợp nhất và cơ chế tài chính.</p>	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050
	3.4b	<p>Thiết kế mô hình thí điểm, bao gồm cấu trúc tổng thể, qui trình chi tiết, cách thức vận hành, hướng dẫn kỹ thuật và sắp xếp thể chế; thiết kế các phương pháp hạch toán trong thu và phân bổ nguồn lực, thu hút bên sử dụng dịch vụ, truyền thông cho người hưởng lợi tiềm năng, thiết kế hệ thống GSDG... Việc thiết kế và vận hành hệ thống GSDG sẽ dựa trên hệ thống GSDG về tiến trình chuyển dịch theo hướng bền vững mở rộng (Đầu ra 1.2), kết nối với hệ thống giám sát đầu tư công (Đầu ra 3.4), nhằm cho phép đánh giá tác động kinh tế-xã hội-môi trường và các yếu tố hấp dẫn các bên đồng tài trợ khác một cách thường xuyên. Các mục tiêu sẽ gắn liền với mức độ tài chính và hỗ trợ trực tiếp cho các hoạt động cấp hiện trường theo kết quả 2.</p>	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	53.697.500	13.435.800	13.412.950	13.435.800	13.412.950
<p>Kết quả 4: Tỉnh bền vững và khả năng nhận rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối,</p>	4.1b	<p>Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho VP Ban Chỉ đạo NN về Chương trình Lâm nghiệp Bền vững (SSCO REDD+).</p>	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800

giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia	4.1c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững sẽ được điều chỉnh với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) cấp quốc gia trong REDD+ Việt Nam, tăng cường tính bền vững dài hạn và các kết quả môi trường và xã hội. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện quy hoạch SD đạt phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	60.324.000	15.081.000	15.081.000	15.081.000	15.081.000
	4.2b	Hỗ trợ các cơ quan chính phủ liên quan (VP Ban chỉ đạo LNBV và REDD+, Bộ NN&PTNT, Bộ TNMT và Bộ NNPTNT...) và chính quyền cấp tỉnh trao đổi và xây dựng quan hệ đối tác để hoàn thiện và đẩy mạnh thực thi tiếp cận theo hướng địa bàn phát triển bền vững không mất rừng ở Đắk Nông, và nhân rộng trong khu vực.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050
		<b>Tổng cộng Năm thứ 2 (đồng)</b>						<b>4.942.249.350</b>	<b>1.235.682.300</b>	<b>1.235.499.500</b>	<b>1.235.659.450</b>	<b>1.235.408.100</b>
		<b>Tổng cộng Năm thứ 2 (US\$)</b> <b>(Quy đổi theo tỷ giá LHQ tháng 3/2022: 22,850)</b>						<b>216.291</b>	<b>54.078</b>	<b>54.070</b>	<b>54.077</b>	<b>54.066</b>

KẾT QUẢ DỰ KIẾN và chỉ số bao gồm mục tiêu theo năm	Hoạt động dự kiến		Khung thời gian				Ngân sách (đồng)		Lịch thanh toán của UNDP			
			Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Mô tả ngân sách	Số tiền	Q1	Q2	Q3	Q4
Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh	1.1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	821.731.700	205.444.350	205.421.500	205.444.350	205.421.500
	1.2c	Xây dựng qui chế thu thập và trao đổi dữ liệu, nền tảng dữ liệu chung, và thỏa thuận với các cơ quan liên quan để đảm bảo việc tiếp cận dễ dàng đến các chỉ số địa bàn bên vững và các phương pháp tính toán căn bản liên quan (nền tảng dữ liệu chung cho tất cả các huyện thí điểm).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550	20.130.850	20.130.850	20.130.850	20.108.000
	1.2d	Vận hành hệ thống tại 02 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm (i) đảm bảo thực thi các qui chế thu thập thông tin và vận hành suôn sẻ nền tảng dữ liệu chung, (ii) chiết xuất báo cáo và phân tích hàng năm, hỗ trợ các cấp chính quyền giám sát thực thi Quy hoạch cấp tỉnh và các quy hoạch SD đất cấp huyện và (iv) từng bước cải thiện hệ thống.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	174.414.050	43.620.650	43.597.800	43.597.800	43.597.800



	1.3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch SD đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	120.739.400	30.184.850	30.184.850	30.184.850	30.184.850
	1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu, cao su, và hạt điều.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	96.655.500	24.175.300	24.152.450	24.175.300	24.152.450
	1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và các huyện, xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...)	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550	20.130.850	20.130.850	20.130.850	20.108.000

	1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cả phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	40.216.000	10.054.000	10.054.000	10.054.000	10.054.000
	1.4.b	Dự thảo tiêu chuẩn bền vững cho từng loại mô hình thí điểm LSNG và dịch vụ từ rừng, bao gồm các khâu như rà soát lại các tiêu chuẩn đã có, phân tích trình độ SX, các tiêu chuẩn kỹ thuật và qui trình triển khai.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.695.050	6.717.900	6.717.900	6.717.900
	1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	135.729.000	33.932.250	33.932.250	33.932.250	33.932.250
Kết quả 2: Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng	2.2a	Xây dựng tài liệu tập huấn và đào tạo nông dân tại các vùng thí điểm xác định trong Hoạt động 2.3a và các nội dung khác liên quan (đất, nước, quản lý hóa chất, rủi ro BĐKH, quy hoạch cảnh quan, thực hành và mô hình cây hàng hóa cụ thể, nông lâm kết hợp, mô hình nông nghiệp sinh thái và hữu cơ, mô hình LSNG, tổ chức nông dân, tiếp cận thị trường, quản lý thông tin và tính đa lợi ích...); Phổ biến tài liệu tập huấn rộng rãi đến các chương trình đào tạo liên quan của ngành ở cấp quốc gia nhằm nhân rộng trong các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của khu vực nhà nước và doanh nghiệp; thiết lập danh mục tổng hợp các tập huấn liên	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800

	quan hỗ trợ bởi các tổ chức khác và tổ chức tập huấn cho tập huấn viên một cách thích hợp; đồng tài trợ tập huấn ở 02 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thi điểm.										
2.2b	Nâng cao nhận thức và tăng cường động lực phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái thông qua (i) chiến dịch truyền thông và vận động chính sách cho nông nghiệp sinh thái; (ii) hướng dẫn đối thoại giữa các đối tác công tư cấp tỉnh về nông nghiệp sinh thái nhằm tích lũy kinh nghiệm và từng bước cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái, hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp thực thi tại hiện trường, tiếp thị sản phẩm (tài chính, bảo hiểm, hợp đồng thu mua...); và (iii) hỗ trợ các sở ban ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách để nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái trong các trụ cột chính nhằm quản lý cảnh quan nông thôn bền vững.						134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800
2.3c	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái. Trong các mô hình thí điểm xác định ở HĐ 2.1f, tiến hành tham vấn và nâng cao năng lực, lựa chọn hộ nông dân tình nguyện, hỗ trợ họ thiết kế và thực hiện nông nghiệp sinh thái trên diện tích đất nông nghiệp của họ, giám sát và đánh giá kết quả. Bố trí vốn đối ứng để xây dựng mô hình.	X	X	X	X	Chuyên tới đối tác	93.913.500	23.489.800	23.466.950	23.489.800	23.466.950

	2.3d	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình LSNG và dịch vụ từ rừng. Tại các khu vực thí điểm xác định trong hoạt động 2.1f, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ; xây dựng kế hoạch, ngân sách quản lý cấp cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp vật tư và các loại hình hỗ trợ khác nếu cần cho từng bên (các hộ gia đình tự nguyện thí điểm, tổ chức tài chính, VNFF, các công ty thu mua, chế biến, v.v).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	93.913.500	23.489.800	23.466.950	23.489.800	23.466.950
Kết quả 3: Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển đổi theo hướng canh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.	3.1b	Xây dựng hệ thống: thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cảm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống GSDG tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng canh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	18.782.700	4.707.100	4.684.250	4.707.100	4.684.250
	3.1c	Dựa trên các báo cáo hàng năm về dòng đầu tư cho SD đất và biển đối khí hậu tại Đắk Nông, tiến	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050

	<p>hành hỗ trợ đối thoại liên ngành về quy hoạch sử dụng đất tích hợp (Đầu ra 1.1) và chiến dịch vận động chính sách giúp cho các dòng đầu tư công-tư vào tình đóng góp tốt hơn cho các chỉ tiêu bền vững trên địa bàn về môi trường, sản xuất và ứng phó BĐKH, đặc biệt đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Hỗ trợ kỹ thuật giúp cho chủ các dự án nghiên cứu và thử nghiệm cách thức hiệu quả để lồng ghép tốt hơn nguồn lực dự án của họ vào các mục tiêu chuyển dịch theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng.</p>										
3.2c	<p>Phổ biến các phát hiện của các đánh giá trong hoạt động 3.1a và 3.1b đến các doanh nghiệp trong các ngành hàng nông nghiệp chính, LSNG và dịch vụ từ rừng (các đơn vị thu mua, nhà bán lẻ trong nước và quốc tế, nhà máy chế biến, hợp tác xã, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc đầu vào...) Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát. Hoạt động này giúp hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược phù hợp với các tiêu chí cho vay của ngân hàng.</p>	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550	20.130.850	20.130.850	20.130.850	20.108.000
3.4c	<p>Thực hiện mô hình Chi trả DVMTR thí điểm ở cấp phù hợp (ít nhất trên 01 huyện Đăk G'Long hoặc Đăk R'Lấp). Hỗ trợ kỹ thuật</p>	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	221.370.800	55.342.700	55.342.700	55.342.700	55.342.700

		và tập huấn VNFF ở cấp liên quan để vận hành thí điểm và hệ thống GSDG. Đánh giá tác động định kỳ và truyền thông về kết quả đánh giá để từng bước tăng động lực cải thiện và nhân rộng.										
Kết quả 4: Tính bền vững và khả năng nhân rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia	4.1b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án, bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho VP Ban Chỉ đạo NN về Chương trình Lâm nghiệp Bền vững (SSCO REDD+).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800
	4.1c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững sẽ được điều chỉnh với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) cấp quốc gia trong REDD+ Việt Nam, tăng cường tính bền vững dài hạn và các kết quả môi trường và xã hội. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện quy hoạch SD đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	13.412.950	3.358.950	3.358.950	3.358.950	3.336.100
	4.2b	Hỗ trợ các cơ quan chính phủ liên quan (VP Ban chỉ đạo LNBV và REDD+, Bộ NN&PTNT, Bộ TNMT và Bộ NNPTNT...) và chính quyền cấp tỉnh trao đổi và xây dựng quan hệ đối tác để hoàn	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050

		thiện và đẩy mạnh thực thi tiếp cận theo hướng địa bàn phát triển bền vững không mất rừng ở Đăk Nông và nhân rộng trong khu vực.								
		<b>Tổng cộng Năm thứ 3 (đồng)</b>	<b>2.555.452.600</b>	<b>638.954.550</b>	<b>638.840.300</b>	<b>638.954.550</b>	<b>638.703.200</b>			
		<b>Tổng cộng Năm thứ 3 (US\$)</b> <b>(Quy đổi theo tỷ giá LHQ tháng 3/2022: 22,850)</b>	<b>111.836</b>	<b>27.963</b>	<b>27.958</b>	<b>27.963</b>	<b>27.952</b>			

KẾT QUẢ DỰ KIẾN và chỉ số bao gồm mục tiêu theo năm	Hoạt động dự kiến		Khung thời gian				Ngân sách (đồng)		Lịch thanh toán của UNDP			
			Q 1	Q 2	Q 3	Q 4	Mô tả ngân sách	Số tiền	Q1	Q2	Q3	Q4
Kết quả 1: Hệ thống quản trị hiệu quả bao gồm các công cụ và quy trình quản lý và quy hoạch sử dụng đất tích hợp được thiết lập ở cấp huyện và tỉnh	1. 1a	Tuyển dụng 02 cán bộ hỗ trợ tại tỉnh để điều phối hầu hết các kết quả với sự chú trọng đặc biệt và trực tiếp thực hiện các hoạt động theo kết quả 1.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	821.731.700	205.444.350	205.421.500	205.444.350	205.421.500
	1. 1c	Xây dựng qui trình và phương pháp lập quy hoạch sử dụng đất tích hợp, theo không gian cho từng huyện, xác định mục tiêu và nguyên tắc, lồng ghép các ưu tiên môi trường xã hội, xác định các dữ liệu còn thiếu, làm rõ cách tiếp cận thu thập dữ liệu và các chiến dịch tham vấn, xác định các bước chính để tham vấn, đàm phán và thông qua. Soạn thảo cuốn sổ tay hướng dẫn và khái quát hóa quy trình lập quy hoạch và cập nhật vào cuối quá trình để phản ánh các bài học từ dự án	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.825.900	6.717.900	6.695.050	6.717.900	6.695.050
	1. 2d	Vận hành hệ thống tại 02 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm (i) đảm bảo thực thi các qui chế thu thập thông tin và vận hành sườn sẽ nền tảng dữ liệu chung, (ii) chiết xuất báo cáo và phân tích hàng năm, hỗ trợ các cấp chính quyền giám sát thực thi Quy hoạch cấp tỉnh và các quy hoạch SD đất cấp huyện và (iv) từng bước cải thiện hệ thống	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	174.414.050	43.620.650	43.597.800	43.597.800	43.597.800
	1. 3a	Thiết lập (nếu phù hợp) và hỗ trợ các diễn đàn công-tư điều phối cảnh quan trên địa bàn từng huyện thí điểm, với sự tham gia của đại diện các diễn đàn ngành hàng chính và các bên liên quan khác dưới sự chủ trì của lãnh đạo UBND huyện. Thiết lập cơ chế và tổ chức diễn đàn chính thức	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	120.739.400	30.184.850	30.184.850	30.184.850	30.184.850



		khi cần thiết. Thông qua các diễn đàn này, (i) hình thành các thỏa thuận PPI (nơi chưa có), giám sát quá trình thực hiện chung, và đề xuất cải thiện liên quan, (ii) đề xuất với các bên nhằm cải thiện hiệu quả thực thi, (iii) rà soát việc thực thi của từng đối tác và cam kết tương ứng, (iv) thảo luận các vấn đề phát sinh trong quá trình chuyển dịch bền vững rộng hơn và các khuyến nghị đối với các cơ quan công quyền về việc thực hiện bản kế hoạch SD đất tích hợp và các quy hoạch tổng thể (Đầu ra 1.1), và các tiêu chuẩn địa bàn bền vững (Đầu ra 1.2), (v) thảo luận và khuyến nghị đối với các qui định.									
1.3b	Chính thức thiết lập và hỗ trợ vận hành 04 diễn đàn ngành hàng bao gồm cà phê, tiêu, cao su, và hạt điều.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	96.655.500	24.175.300	24.152.450	24.175.300	24.152.450
1.3c	Thiết lập diễn đàn hoặc mạng lưới đối tác (các cơ quan liên quan cấp tỉnh, huyện và các huyện, xã thí điểm, các chuyên gia, đơn vị nghiên cứu, các doanh nghiệp, NGOs, nhóm hộ...)	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	107.326.450	26.848.750	26.825.900	26.825.900	26.825.900
1.4a	Xây dựng bốn tiêu chuẩn bền vững không gây mất rừng dựa vào các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế đang có, cho cà phê, tiêu, cao su, hạt điều để thực hiện ở các huyện thí điểm.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	40.216.000	10.054.000	10.054.000	10.054.000	10.054.000
1.4b	Dự thảo tiêu chuẩn bền vững cho từng loại mô hình thí điểm LSNG và dịch vụ từ rừng, bao gồm các khâu như rà soát lại các tiêu chuẩn đã có, phân tích trình độ SX, các tiêu chuẩn kỹ thuật và qui trình triển khai.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.695.050	6.717.900	6.717.900	6.717.900
1.5a	Đưa ra cảnh báo mất rừng và suy thoái rừng theo định kỳ 2 tuần/lần tại 2 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm, sử dụng ứng dụng hệ thống Terra-i có độ phân giải 10m (Sentinel).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	135.729.000	33.932.250	33.932.250	33.932.250	33.932.250

<p>Kết quả 2: Các thực hành tiêu chuẩn hóa sản xuất bền vững, thông minh với khí hậu, được thực hiện trong sản xuất nông nghiệp và lâm sản ngoài gỗ và các dịch vụ từ rừng</p>	<p>2. 2a</p>	<p>Xây dựng tài liệu tập huấn và đào tạo nông dân tại các vùng thí điểm xác định trong Hoạt động 2.3a và các nội dung khác liên quan (đất, nước, quản lý hóa chất, rủi ro BĐKH, quy hoạch cảnh quan, thực hành và mô hình cây hàng hóa cụ thể, nông lâm kết hợp, mô hình nông nghiệp sinh thái và hữu cơ, mô hình LSNG, tổ chức nông dân, tiếp cận thị trường, quản lý thông tin và tính đa lợi ích...); Phổ biến tài liệu tập huấn rộng rãi đến các chương trình đào tạo liên quan của ngành ở cấp quốc gia nhằm nhân rộng trong các chương trình nông nghiệp và phát triển nông thôn của khu vực nhà nước và doanh nghiệp: thiết lập danh mục tổng hợp các tập huấn liên quan hỗ trợ bởi các tổ chức khác và tổ chức tập huấn cho tập huấn viên một cách thích hợp; đồng tài trợ tập huấn ở 02 huyện Đăk G'Long và Đăk R'Lấp thí điểm.</p>	X	X	X	X	<p>Chuyển tới đối tác</p>	187.827.000	46.956.750	46.956.750	46.956.750	46.956.750
	<p>2. 2b</p>	<p>Nâng cao nhận thức và tăng cường động lực phát triển mô hình nông nghiệp sinh thái thông qua (i) chiến dịch truyền thông và vận động chính sách cho nông nghiệp sinh thái; (ii) hướng dẫn đối thoại giữa các đối tác công tư cấp tỉnh về nông nghiệp sinh thái nhằm tích lũy kinh nghiệm và từng bước cải thiện mô hình nông nghiệp sinh thái, hỗ trợ kỹ thuật và giải pháp thực thi tại hiện trường, tiếp thị sản phẩm (tài chính, bảo hiểm, hợp đồng thu mua...); và (iii) hỗ trợ các sở ban ngành cấp tỉnh xây dựng kế hoạch hành động và đề xuất chính sách để nhân rộng mô hình nông nghiệp sinh thái trong các trụ cột chính nhằm quản lý cảnh quan nông thôn bền vững.</p>	X	X	X	X	<p>Chuyển tới đối tác</p>	107.326.450	26.848.750	26.825.900	26.825.900	26.825.900

	2.3c	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình nông nghiệp sinh thái. Trong các mô hình thí điểm xác định ở HĐ 2.1f, tiến hành tham vấn và nâng cao năng lực, lựa chọn hộ nông dân tình nguyện, hỗ trợ họ thiết kế và thực hiện nông nghiệp sinh thái trên diện tích đất nông nghiệp của họ, giám sát và đánh giá kết quả. Bố trí vốn đối ứng để xây dựng mô hình.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	93.913.500	23.489.800	23.466.950	23.489.800	23.466.950
	2.3d	Phối hợp với Dự án do Bộ NN&PTNT làm cơ quan chủ quản thông qua điều phối của UNDP để thực hiện: Hỗ trợ các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ thực hiện các mô hình LSNG và dịch vụ từ rừng. Tại các khu vực thí điểm xác định trong hoạt động 2.1f, hỗ trợ nâng cao năng lực cho các cộng đồng dân tộc thiểu số, phụ nữ; xây dựng kế hoạch, ngân sách quản lý cấp cộng đồng; hỗ trợ kỹ thuật; cung cấp vật tư và các loại hình hỗ trợ khác nếu cần cho từng bên (các hộ gia đình tự nguyện thí điểm, tổ chức tài chính, VNFF, các công ty thu mua, chế biến, v.v).	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	93.913.500	23.489.800	23.466.950	23.489.800	23.466.950
Kết quả 3: Môi trường tài chính được cải thiện với các sáng kiến tăng nguồn đầu tư và cải thiện quan hệ đối tác nhằm xúc tiến chuyển	3.1b	Xây dựng hệ thống: thu thập dữ liệu, thông qua biểu mẫu thông tin và các qui chế chia sẻ thông tin với các cơ quan liên quan tại các cấp, thiết kế cơ sở dữ liệu, phân loại thông tin thống nhất với các nội dung Kết quả 1; xây dựng cẩm nang vận hành và đào tạo các chuyên gia cấp tỉnh để vận hành và quản lý hệ thống. Đóng góp dữ liệu liên quan cho Hệ thống GSDG tổng thể tiến độ dịch chuyển theo hướng cảnh quan bền vững (Đầu ra 1.2). Tiến hành giám sát hệ thống hàng năm và phân tích các nguồn tài chính. Trích xuất từ hệ thống Báo cáo hàng năm với các phát hiện và khuyến nghị.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	18.782.700	4.707.100	4.684.250	4.707.100	4.684.250

đổi theo hướng cảnh quan bền vững, tập trung ở cấp tỉnh và huyện.	3. 1c	Dựa trên các báo cáo hàng năm về dòng đầu tư cho SD đất và biến đổi khí hậu tại Đắk Nông, tiến hành hỗ trợ đối thoại liên ngành về quy hoạch sử dụng đất tích hợp (Đầu ra 1.1) và chiến dịch vận động chính sách giúp cho các dòng đầu tư công-tư vào tỉnh đóng góp tốt hơn cho các chỉ tiêu bền vững trên địa bàn về môi trường, sản xuất và ứng phó BĐKH, đặc biệt đầu tư công trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT. Hỗ trợ kỹ thuật giúp cho chủ các dự án nghiên cứu và thử nghiệm cách thức hiệu quả để lồng ghép tốt hơn nguồn lực dự án của họ vào các mục tiêu chuyển dịch theo hướng địa bàn bền vững không mất rừng.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050
	3. 2c	Phổ biến các phát hiện của các đánh giá trong hoạt động 3.1a và 3.1b đến các doanh nghiệp trong các ngành hàng nông nghiệp chính, LSNG và dịch vụ từ rừng (các đơn vị thu mua, nhà bán lẻ trong nước và quốc tế, nhà máy chế biến, hợp tác xã, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc đầu vào...) Thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp, đánh giá rủi ro đối tác, đàm phán, ký kết và thực thi các thỏa thuận MoU, trong đó có bao gồm các mục tiêu chung, nguồn lực cam kết, các hoạt động chính và cách thức giám sát. Hoạt động này giúp hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp điều chỉnh chiến lược phù hợp với các tiêu chí cho vay của ngân hàng.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.500.550	20.130.850	20.130.850	20.130.850	20.108.000
	3. 4c	Thực hiện mô hình Chi trả DVMTR thí điểm ở cấp phù hợp (ít nhất trên 01 huyện Đắk G'Long hoặc Đắk R'Lấp). Hỗ trợ kỹ thuật và tập huấn VNFF ở cấp liên quan để vận hành thí điểm và hệ thống GSDG. Đánh giá tác động định kỳ và truyền thông về kết quả đánh giá để từng bước tăng động lực cải thiện và nhân rộng.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	221.370.800	55.342.700	55.342.700	55.342.700	55.342.700
Kết quả 4: Tính bền vững và khả	4. 1b	Thiết lập và điều phối các cơ quan liên quan, các công cụ và vận hành đảm bảo điều phối hiệu quả, theo dõi, giám sát và đánh giá dự án,	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	134.175.200	33.543.800	33.543.800	33.543.800	33.543.800

năng nhận rộng của dự án được đảm bảo thông qua nỗ lực điều phối, giám sát đánh giá, tài liệu hóa và chia sẻ kiến thức, truyền thông và vận động chính sách cấp vùng và cấp quốc gia		bao gồm việc thành lập các cơ quan điều phối chính và hỗ trợ hoạt động của họ, hỗ trợ trực tiếp cho VP Ban Chỉ đạo NN về Chương trình Lâm nghiệp Bền vững (SSCO REDD+).										
	4.1c	Thúc đẩy lồng ghép tiến trình chuyển dịch theo hướng cảnh quan bền vững sẽ được điều chỉnh với khung Đảm bảo An toàn (ĐBAT) cấp quốc gia trong REDD+ Việt Nam, tăng cường tính bền vững dài hạn và các kết quả môi trường và xã hội. Hoạt động này gồm các công việc: i) Điều phối với Hoạt động 1.1b và 1.1c đảm bảo phương pháp và kế hoạch thực hiện quy hoạch SD đất phù hợp với cách tiếp cận trong Khung ĐBAT (VD: có đánh giá tác động tiềm năng, lợi ích, rủi ro...); ii) Rà soát các tiêu chuẩn ngành hàng cao su và cà phê.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	13.412.950	3.358.950	3.358.950	3.358.950	3.336.100
	4.2b	Hỗ trợ các cơ quan chính phủ liên quan (VP Ban chỉ đạo LNBV và REDD+, Bộ NN&PTNT, Bộ TNMT và Bộ NNPTNT...) và chính quyền cấp tỉnh trao đổi và xây dựng quan hệ đối tác để hoàn thiện và đẩy mạnh thực thi tiếp cận theo hướng địa bản phát triển bền vững không mất rừng ở Đắk Nông, và nhân rộng trong khu vực.	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	26.848.750	6.717.900	6.717.900	6.717.900	6.695.050
	4.2c	Xây dựng các Bản tin khuyến nghị chính sách để tổng hợp các kết quả, bài học kinh nghiệm, đề xuất hướng tiếp theo nhằm nhân rộng mô hình quản lý cảnh quan bền vững và tiếp cận địa bản bền vững không mất rừng. Phổ biến các phát hiện và khuyến nghị thông qua các diễn đàn/sự kiện địa phương và trung ương, bao gồm cả hội thảo kết thúc dự án	X	X	X	X	Chuyển tới đối tác	80.889.000	20.222.250	20.222.250	20.222.250	20.222.250
		<b>Tổng cộng Năm thứ 4 (đồng)</b>						<b>2.636.295.900</b>	<b>659.199.650</b>	<b>659.016.850</b>	<b>659.153.950</b>	<b>658.925.450</b>
		<b>Tổng cộng Năm thứ 4 (US\$) (Quy đổi theo tỷ giá LHQ tháng 3/2022: 22.850)</b>						<b>115.374</b>	<b>28.849</b>	<b>28.841</b>	<b>28.847</b>	<b>28.837</b>

<b>Tổng cộng giai đoạn (2021-2025)</b>	<b>ĐVT</b>	<b><u>Năm thứ nhất</u></b>	<b><u>Năm thứ 2</u></b>	<b><u>Năm thứ 3</u></b>	<b><u>Năm thứ 4</u></b>
<b>12.307.718.350</b>	<b>VNĐ</b>	<b>2.173.720.500</b>	<b>4.942.249.350</b>	<b>2.555.452.600</b>	<b>2.636.295.900</b>
<b>538.631</b>	<b>US\$</b>	<b>95.130</b>	<b>216.291</b>	<b>111.836</b>	<b>115.374</b>

**Ghi chú:**

- Chi phí cho các dịch vụ nhân sự có thể bị giới hạn ở các khoản phụ cấp và các quyền lợi khác, bao gồm cả việc bồi hoàn chi phí đi lại theo lịch hẹn cho dự án.
- Việc điều chỉnh trong từng phần có thể được thực hiện sau khi có tham khảo ý kiến giữa UNDP và Sở NNPTNT.
- Các điều chỉnh đó có thể được thực hiện nếu chúng phù hợp với các quy định của Văn kiện Dự án/Hỗ trợ Chương trình và nếu chúng được coi là có lợi nhất cho dự án.

## Phụ lục 4: MẪU BÁO CÁO CHI PHÍ CỦA UNDP

### LỆNH CHUYỂN KINH PHÍ VÀ XÁC NHẬN CHI

Quốc gia: VIỆT NAM

Tên Tổ chức LHQ: UNDP

Ngày ..... tháng ..... năm .....

Mã số & tên dự án: .....

**Loại hình yêu cầu:**

Cán bộ phụ trách:.....

Chuyển kinh phí trực tiếp

Cơ quan điều hành dự án: .....

Hoàn trả sau

Thanh toán trực tiếp

Đơn vị tiền tệ: .....

#### BÁO CÁO

#### YÊU CẦU/CHO PHÉP CHUYỂN

Mô tả & thời gian của các hoạt động theo Kế hoạch công tác năm	Mã số theo hệ thống Atlas - Project ID - Activity ID - Account - Fund - Donor	Số tiền đã được duyệt <i>Từ tháng ... đến tháng ... năm ...</i>	Thực chi của dự án	Chi tiêu dự án được phê duyệt	Số dư  D= A - C	Giai đoạn & số tiền xin chuyển <i>Từ tháng ... đến tháng ... năm ...</i>	Số tiền được duyệt	Số tiền tồn tạm ứng  G= D + F
A		B		C		E	F	G= D + F
..... (từ tháng/năm đến tháng/năm)								
..... (từ tháng/năm đến tháng/năm)								
..... (từ tháng/năm đến tháng/năm)								
<b>Cộng</b>		<b>0</b>	<b>0</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**XÁC NHẬN:** Cán bộ được Cơ quan điều hành dự án ủy quyền ký tên dưới đây xác nhận:

- Yêu cầu chuyển tiền trên phản ánh đúng chi phí đã dự trù trong Kế hoạch công tác năm/quý và ước tính chi phí cho các khoản mục được kèm theo.
- Chi phí thực tế cho giai đoạn nêu trên được giải ngân theo đúng Kế hoạch công tác năm/quý và yêu cầu chuyển kinh phí có kèm theo ước tính chi phí cho các khoản mục. Các tài liệu kế toán chi tiết cho những chi phí này sẽ được cung cấp cho việc kiểm tra trong giai đoạn 5 năm kể từ ngày chuyển kinh phí.

Ngày trình \_\_\_\_\_ Họ & tên người trình: \_\_\_\_\_ Chức vụ: \_\_\_\_\_

CHÚ Ý: Các ô in đậm sẽ do Tổ chức LHQ điền, còn các ô không in đậm sẽ do Cơ quan động thực hiện dự án điền.

---

### PHẦN DÀNH RIÊNG CHO TỔ CHỨC LHQ

<b>ĐỐI VỚI TẤT CẢ CÁC TỔ CHỨC LHQ</b>
<b>Người ký duyệt</b>
Họ & tên: _____
Chức vụ: _____
Ngày duyệt: _____